TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 31/10/2018
V/v Ly hôn giữa anh P và chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thế Hạp;

2. Bà Phùng Thị Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bế Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xét xử công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX - ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chung Văn P, sinh năm 1982;

Trú tại: Tổ 01 Thị trấn T K- huyện T K - tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

2. Bị đơn: Chung Thể N, sinh năm 1986;

Nơi công tác: Bệnh viện Đa khoa huyện T K – tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chung Văn P trình bày như sau: Anh (P) kết hôn với chị Chung Thể Nvào ngày 11 tháng 3 năm 2013. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có giấy đăng ký kết hôn tại UBND Phường Tân Giang, thành phố C B, tỉnh Cao Bằng.

Cưới xong, tình cảm vợ chồng không hòa hợp, có thời gian sống chung và có với nhau 01 con chung, tên con là Chung Tiến D, sinh ngày 26 tháng 3 năm

2013. Hiện nay con đang ở với mẹ.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn là do: mục đích hôn nhân của hai anh chị ban đầu không giống nhau, không hướng tới hạnh phúc cuối cùng. Trong thời gian sống chung, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, tình cảm không được hòa hợp mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn; Về con chung, tại đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải anh P yêu cầu giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn). Ngoài số tiền cấp dưỡng hàng tháng 2.000.000 đồng thì tiền học phí và các khoản khác khi chị N có yêu cầu, anh sẽ cố gắng nộp cho con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, anh P thay đổi và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; Về tài sản: Không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 28 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn trình bày như sau: Chị (N) và anh P tự nguyện tự tìm hiểu yêu nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2013. Cưới xong tình cảm vợ chồng hạnh phúc và có với nhau 01 con chung, tên con là Chung Tiến D, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2013. Hiện nay con đang ở với chị.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn: Trong quá trình chung sống, khi có chuyện anh P không bao giờ cùng chị nói chuyện bảo ban nhau, giờ anh lại trách móc chị mà không nghĩ rằng chị đã phải nhẫn nhịn bao nhiêu chuyện từ chuyện công tác, chuyện gia đình nhà chồng, chuyện vợ chồng. Anh là một người chồng nếu chị có làm gì không đúng anh cũng nên nói chuyện bảo ban nhau nhưng anh không hề có một lời nói, anh còn để số điện thoại của chị vào chế độ hạn chế, chị cũng cảm thấy buồn và bực bội. Còn chuyện vợ chồng thì không phải gia đình nào cũng được hoàn hảo.

Nay anh P yêu cầu xin ly hôn với chị, chị không đồng ý vì: chị luôn làm tròn bổn phận, trách nhiệm của một người vợ đối với chồng, của một người con dâu đối với cha mẹ chồng, của một người mẹ đối với con. Chị luôn dành sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chồng, tôn

trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của chồng… trong các mối quan hệ khác của chồng chị đều cư xử đúng mực, chưa làm gì ảnh hưởng đến chồng; chị chưa làm gì vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của một người vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Với chị cuộc sống vợ chồng vẫn đang bình thường, không có gì mâu thuẫn nghiêm trọng. Hiện nay chị vẫn còn yêu chồng, vẫn cảm thấy hạnh phúc với cuộc sống hiện tại. Chị mong muốn được hàn gắn cuộc hôn nhân của hai anh chị vì tình cảm, vì con còn nhỏ. Việc chồng chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn là không có căn cứ, chưa phù hợp với thực tế, đạo đức và các quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của một người vợ, ảnh hưởng đến sự phát triển của đứa con sau này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh P và chị N có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Anh P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị N là quan hệ hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 3 năm 2013 tại UBND Phường Tân Giang, thành phố C B, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung hơn 05 năm, có thời gian sống rất hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung tên Chung Tiến D, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2013.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn theo anh P trình bày là do: mục đích hôn nhân của hai anh chị ban đầu không giống nhau, không hướng tới hạnh phúc cuối cùng. Trong thời gian sống chung, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, tình cảm không được hòa hợp mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị N trình bày: trong cuộc sống vợ chồng, khi có chuyện anh P không bao giờ cùng chị nói chuyện, bảo ban nhau, cùng nhau tháo gỡ những khúc mắc, hiểu lầm. Trái lại, anh còn

trách móc chị mà không nghĩ rằng chị đã phải nhẫn nhịn bao nhiêu chuyện từ chuyện công tác, chuyện gia đình nhà chồng, chuyện vợ chồng. Còn chuyện vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì gia đình nào cũng có vì không phải gia đình nào cũng được hoàn hảo. Do đó, anh P yêu cầu được xin ly hôn với chị, chị không nhất trí vì tình cảm, vì con còn nhỏ cần có đầy đủ sự quan tâm dạy dỗ của cả bố và mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị N vẫn rất yêu thương anh P và tha thiết mong muốn được đoàn tụ gia đình. Mâu thuẫn giữa hai anh chị chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày như bao gia đình khác, vợ chồng chưa thực sự hiểu và cảm thông, chia sẻ lẫn nhau, chưa đến mức trầm trọng còn có thể hàn gắn được. Hơn nữa, hai anh chị cũng đã có thời gian sống chung hơn 05 năm và đã có với nhau một con chung. Hiện nay cháu còn nhỏ, đang học mẫu giáo, rất cần được sự quan tâm chăm sóc dạy dỗ từ cả bố và mẹ. Việc hai anh chị ly hôn có thể sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm sinh lý, ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách và tương lai của cháu sau này. Hơn nữa hai anh chị còn có nhiều mối quan hệ ràng buộc về anh em họ hàng hai bên, về làng xóm… Do đó, việc anh P làm đơn xin ly hôn với chị N là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Chung Văn P.

[3] Về nuôi con chung và tài sản chung: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh P và chị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử bác đơn khởi kiện của anh Chung Văn P yêu cầu xin ly hôn với chị Chung Thể N.

2. **Về nuôi con chung và tài sản chung**: Không xem xét giải quyết.

3. **Về án phí**: Anh P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh theo Biên lai số AB/2011/000124 ngày 13 tháng 8 năm 2018.

4. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- Tòa Dân sự - TAND tỉnh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án - TAND tỉnh;
- VKSND TK ;
- THADS . TK;
- UBND Phường Tân Giang;
- Hai bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đa ký)

La Văn Viên